

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21** /2021/DS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy.

Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐST-DS ngày 26/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP M; địa chỉ: Đường T, phường L, quận D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N.H.L – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N.D.K, ông N.N.T, bà N.T.V và ông N.T.T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh H.V.V, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường T, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2020 và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông N.D.K trình bày:

Ngày 21/11/2017, Ngân hàng TMCP M ký kết với ông H.V.V hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV, kèm theo là Khế ước nhận nợ với thỏa thuận về số tiền vay

là 130.000.000 đồng nhằm để sửa chữa nhà ở, mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 20%/ năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức tính tiền lãi và số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần. Hình thức trả nợ gốc và lãi là nợ gốc và lãi trả đều hàng tháng, kỳ hạn trả nợ là 60 kỳ và số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 2.166.667 đồng và thời điểm bắt đầu trả lần đầu tiên là ngày 21/12/2017.

Sau khi ký kết hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ, Ngân hàng TMCP M đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay 130.000.000 đồng cho ông H.V.V.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông H.V.V đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP M tính đến ngày 04/3/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là: 50.852.416 đồng; trong đó: số tiền gốc là 26.000.004 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.521.394 đồng và tiền lãi quá hạn là 331.018 đồng. Sau đó, ông V không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn như thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP M đã chuyển sang nợ quá hạn, đồng thời nhiều lần có văn bản nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng ông V vẫn không trả. Do đó, Ngân hàng TMCP M khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông H.V.V phải trả cho Ngân hàng TMCP M tổng cộng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 24/6/2021 là: 168.630.059 đồng (trong đó: nợ gốc: 103.999.996 đồng, nợ lãi trong hạn: 55.773.826 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.856.237 đồng) và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP M và ông H.V.V tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là tính từ ngày 25/6/2021) cho đến khi trả hết nợ vay.

Kèm theo yêu cầu khởi kiện, người khởi kiện đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP M; Bản chính Giấy ủy quyền số 3897/2020/UQ-TGĐ12 ngày 20/7/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP M; Bản chính Giấy ủy quyền số 6361/2020/GUQ-TGĐ12 ngày 22/10/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP M; Bản sao Hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV ngày 21/11/2017; Bản sao Khế ước nhận nợ số 79/2017/CVCN ngày 21/11/2017; Bản sao Chứng minh nhân dân H.V.V; Bản sao Sổ hộ khẩu chủ hộ H.T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn nhưng ông H.V.V không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể lấy lời khai của bị đơn và tiến hành hòa giải được; đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông H.V.V đã không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo luật định.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông H.V.V đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/6/2021 là 168.630.059 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất quá hạn hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn là ông H.V.V phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP M khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho vay đối với bị đơn là ông H.V.V có địa chỉ: Đường T, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là ông H.V.V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H.V.V không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ

do nguyên đơn cung cấp cũng như các giấy tờ tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về quyền khởi kiện của người khởi kiện và tính hợp pháp của hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV ngày 21/11/2017:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số: 0200124891, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 01/4/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì Ngân hàng TMCP M được thành lập và tổ chức hoạt động tín dụng dưới hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 79/2017/CVCN ký kết cùng ngày 21/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP M và ông H.V.V được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, các điều khoản ký kết trong hợp đồng này đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 385, 398, 401, 463 và 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 79/2017/CVCN ký kết ngày 21/11/2017 là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết. Hiện tại, ông H.V.V còn thiếu nợ nhưng không trả đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP M khởi kiện là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 79/2017/CVCN ngày 21/11/2017, Ngân hàng TMCP M đã tiến hành giải ngân cho ông H.V.V số tiền cho vay 130.000.000 đồng là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Theo thỏa thuận trong hợp đồng và Khế ước nhận nợ, ông H.V.V phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong 60 kỳ trong thời hạn 60 tháng, phương thức trả là trả đều hàng tháng, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 2.166.667 đồng và số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H.V.V chỉ trả cho Ngân hàng TMCP M tính đến ngày 04/3/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là: 50.852.416 đồng. Sau đó, ông V không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 24/6/2021, ông H.V.V còn nợ của Ngân hàng TMCP M tổng cộng số tiền gốc và lãi là 168.630.059 đồng (trong đó: nợ gốc: 103.999.996 đồng, nợ lãi trong hạn: 55.773.826 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.856.237 đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP M về việc buộc ông H.V.V phải trả tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282 và 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP M về việc buộc ông H.V.V phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong

Hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 79/2017/CVCN ký kết ngày 21/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP M và ông H.V.V tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay, thấy rằng: Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng cho vay số 79/2017/HĐCV và Khế ước nhận nợ số 79/2017/CVCN ngày 21/11/2017 mà hai bên đã ký kết, phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H.V.V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282, 385, 398, 401, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP M;

Buộc ông H.V.V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP M số tiền nợ còn thiếu là: 168.630.059 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, không trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H.V.V còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký kết ngày 21/11/2017 giữa Ngân hàng TMCP M và ông H.V.V cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP M thì lãi suất mà ông H.V.V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông H.V.V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $168.630.059 \text{ đồng} \times 5\% = 8.431.502 \text{ đồng}$.

Ngân hàng TMCP M không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.747.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002184 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu Tòa DS; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam